

A. PHẠM VI KIẾN THỨC

I. Đại số

- Đa thức nhiều biến.
- Cộng, trừ, nhân, chia đa thức nhiều biến.
- Hằng đẳng thức.
- Phân tích đa thức thành nhân tử

II. Hình học

- Hình chóp tam giác đều. Hình chóp tứ giác đều.
- Định lý Pythagore.
- Hình thang cân.

B. BÀI TẬP

I. Trắc nghiệm:

1. Đại số:

Câu 1: Trong các đơn thức sau, đơn thức nào chưa thu gọn:

- A. $\frac{1}{4}x^4yzx$ B. $2x^3y^2z$ C. $\frac{1}{3}y^3xz$ D. $-4xz^3y^2$

Câu 2: Trong các cặp đơn thức sau, cặp đơn thức nào là hai đơn thức đồng dạng:

- A. x^2y và $\frac{1}{2}xy^2$ B. $2x^2y^3$ và $\frac{1}{4}xy^2$ C. $3x^3y^2$ và $\frac{3}{2}x^3y^2$ D. $\frac{3}{4}x^4y^2$ và $\frac{3}{2}x^3y^2$

Câu 3: Trong các phép biến đổi sau, phép biến đổi nào **không phải** là phân tích đa thức thành nhân tử:

- A. $4x^2 - x = x(4x - 1)$ B. $3x^2 + 3x = 3x(x + 1)$
C. $2x - 1 = (x - 2) + (x + 1)$ D. $x^2 - 5x = x(x - 5)$

Câu 4: Thương của phép chia đơn thức $-16x^4y^5z^6$ cho đơn thức $8x^3y^2$ là

- A. $2xy^3z^6$ B. $-2xy^3z^6$ C. $\frac{1}{2}xy^3z^6$ D. $-2xy^2z^6$

Câu 5: Phân tích đa thức $x^2 - y^2$ được kết quả:

- A. $2(x + y)$ B. $(x - y)^2$ C. $(x - y)(x + y)$ D. $(x + y)^2$

Câu 6: Tích của hai đơn thức x^3y^7 và $-2x^4y^5$ là

- A. $2x^7y^7$ B. $-2x^{12}y^{12}$ C. $-2x^7y^{12}$ D. $2x^7y^{12}$

Câu 7: Phân tích đa thức $x^3 + 3x^2 + 3x + 1$ thành nhân tử ta được:

- A. $x^3 + 1$ B. $x^3 - 1$ C. $x + 1^3$ D. $x - 1^3$

Câu 8: Tổng hai đa thức $P = x + y$ và $Q = 2x + y$ là:

- A. $3x + 2y$ B. $3x + y$ C. x D. $x + y$

Câu 9: Ở Đà Lạt, giá táo là x (đồng/kg) và giá nho là y (đồng/kg). Đa thức biểu thị số tiền mua 5 kg táo và 9 kg nho là:

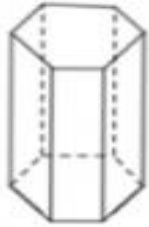
- A. $5x + 9y$ B. $5 + x + 9 + y$ C. $5x - 9y$ D. $5.9(x + y)$

Câu 10: Cho phép cộng hai đơn thức đồng dạng $-2x^3y^5 + P = 5x^3y^5$. Khi đó đơn thức P là

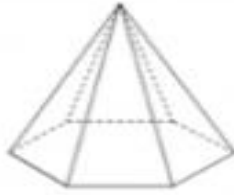
- A. $-3x^3y^5$ B. $3x^3y^5$ C. $7x^3y^5$ D. $10x^3y^5$

2. Hình học:

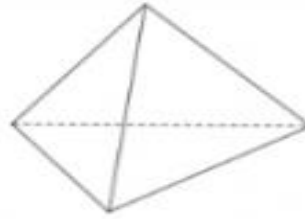
Câu 1: Quan sát các hình vẽ dưới đây và cho biết hình nào là hình chóp tam giác đều?



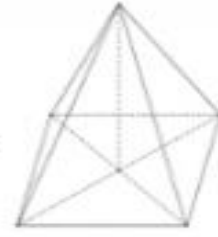
Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

- A. Hình 1 B. Hình 2 C. Hình 3 D. Hình 4

Câu 2. Hình chóp tam giác đều có mặt bên là hình gì?

- A. Tam giác cân B. Tam giác đều C. Tam giác vuông D. Tam giác vuông cân

Câu 3. Thể tích của hình chóp tứ giác đều bằng?

- A. Tích nửa diện tích đáy và chiều cao của hình chóp B. Tích một phần ba diện tích đáy và độ dài trung đoạn của hình chóp
 C. Tích một phần ba diện tích đáy và chiều cao của hình chóp
 D. Tích diện tích đáy và chiều cao

tam giác ABC vuông tại B. Khi đó:

- A. $AB^2 + BC^2 = AC^2$. B. $AB^2 - BC^2 = AC^2$.
 C. $AB^2 + AC^2 = BC^2$. D. $AB^2 = AC^2 + BC^2$.

Câu 5. Hình thang cân là hình thang có:

- A. hai góc kề bằng nhau. B. hai góc đối bằng nhau.
 C. hai cạnh đối bằng nhau. D. hai đường chéo bằng nhau.

Tự luận:

số: **1. Đại**

gọn và tính giá trị biểu thức

hiện phép tính:

- ($x^2 - 2xy + 3$) b) $x^2y(2x^3 - xy^2 - 1)$ a) ($x^2 - 2xy + y^2$) -
 d) ($5x^4y^3 - x^3y^2 + 2x^2y$) : x^2y c) ($5x - 2y$)($x^2 - xy + 1$)

các biểu thức sau: **Bài 2.** Rút gọn biểu thức rồi tính giá trị của

- a) $M = (x^2 + 3xy - 3x^3) + (2y^3 - xy + 3x^3) - y^3$ tại

- x = 5 và y = 4 b) $N = x^2(x + y) - y(x^2 - y^2)$ tại x = -2; y = 1

- c) $Q = (15x^5y^3 - 10x^3y^2 + 20x^4y^4) : 5x^2y^2$ tại x = -1; y = 1

Bài 3. a) Cho đơn thức $A = 4xy$. Tính giá trị của A tại x = 2, y = -2

b) Thu gọn biểu thức $A(x - y) - (2x + y)(2x^2 - 1)$

Dạng 2. Phân tích đa thức thành nhân tử

a) $4x^2 - 9y^2$

b) $x^2 + 12xy + 36y^2$

c) $x^3 + 9x^2 + 27x + 27$

d) $8y^3 - 1$

e) $4x^2 - 4xy + 2x - y + y^2$

f) $x^3 - y^3 + x - y$

Dạng 3. Tìm x

$(x + 2)^2 - x(x - 3) = 19$

b) $8x^3 + 12x^2 + 6x + 1 = 0$

a)

$10x = 25$

d) $(3x - 2)(x + 9) - (3x - 2)^2 = 0$

c) $x^2 -$

Dạng 4. Chứng minh giá trị biểu thức luôn dương với mọi giá trị của biến

a)

$P = (2y - x)(x + y) + x(y - x) - 2y(x + 5y) - 1$

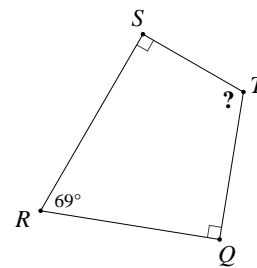
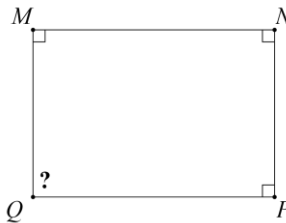
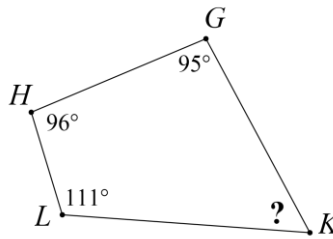
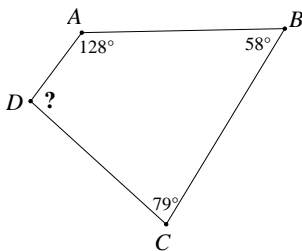
b) $Q = x(x - 6) + 10$

2.

Hình học:

Bài 1.

Tính số đo các góc chưa biết có trong các hình vẽ sau:



Bài 2. Cho tam giác ABC vuông tại A có AB = 5cm, AC = 12cm.

a)

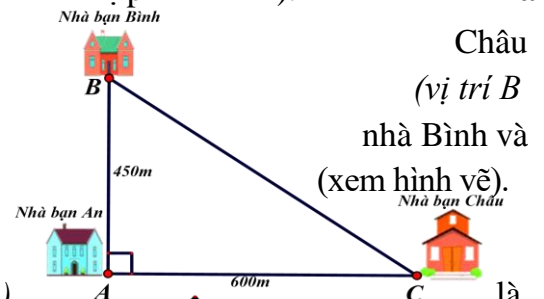
Tính độ dài cạnh BC.

b)

Kẻ AH ⊥ BC tại H. Biết AH ≈ 4,6 cm. Tính BH, HC (làm tròn đến đơn vị phần mười).

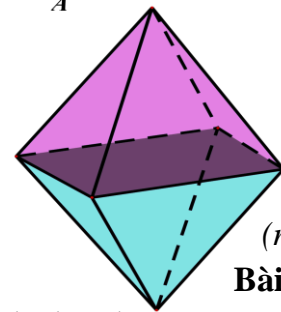
Bài

3. Nhà bạn An (vị trí A trên hình vẽ) cách nhà bạn Bình (vị trí B trên hình vẽ) 600 m và cách nhà bạn Bình (vị trí C trên hình vẽ) 450 m. Biết rằng 3 vị trí: nhà An, nhà Châu là 3 đỉnh của một tam giác vuông. Hãy tính khoảng cách từ nhà Bình đến nhà Châu.



là

Bài 4. Bạn Hà làm một cái lồng đèn hình quả trám (xem hình bên) hình ghép từ hai hình chóp tứ giác đều có cạnh đáy 20cm, cạnh 32cm, khoảng cách giữa hai đỉnh của hai hình chóp là 30cm. thể tích của lồng đèn.



bên

muốn làm 50 cái lồng đèn hình quả trám này cần phải

a) Tính

que tre có độ dài không đáng kể)?

b) Bạn Hà

tông được làm có dạng hình chóp tam giác đều trong đó cạnh đáy hình chóp là 2m, trung đoạn của hình chóp là 3m. Người ta sơn ba mặt xung quanh của khối bê tông. Cứ mỗi mét vuông sơn cần trả 30 000 đồng (tiền sơn và tiền công). Cần phải trả bao nhiêu tiền khi sơn ba mặt xung quanh?

chuẩn bị bao (mỗi nối giữa các

Bài 5. Một khối bê

KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

I. Phần văn bản

1. YÊU CẦU CHUNG VỀ KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:

- Trình bày được đặc trưng của VB truyện ngắn, thơ sáu chữ, bảy chữ.
- Cảm nhận và nêu được bài học, thông điệp, tình cảm của tác giả qua các văn bản.

2. KIẾN THỨC NGỮ VĂN

Bài 1: Truyện ngắn.

- Nêu được ấn tượng chung về các văn bản đọc hiểu; nhận biết được một số yếu tố hình thức (Cốt truyện, nhân vật, ngôi kể, ...) và nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, ...) của văn bản.

Bài 2: Thơ sáu chữ, bảy chữ.

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức của thơ sáu chữ, bảy chữ (số tiếng ở mỗi dòng, vần, nhịp; từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ; ...) và những suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua bài thơ.

II. Phần tiếng Việt

- Nhận biết trợ từ, thán từ
- Nhận biết tình thái nghĩa của từ ngữ
- Phân tích được tác dụng của một số biện pháp tu từ trong thơ: so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ, câu hỏi tu từ, ...

III. Phần tập làm văn.

Dạng 1: Viết bài văn kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội.

B. MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP TỰ LUYỆN

DẠNG 1: CÁC ĐỀ ĐỌC HIỂU VỀ VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

ĐỀ 1

Đọc kĩ văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

MÙA XUÂN CHÍN

*Trong làn nắng ửng: khói mơ tan,
Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng.
Sột soạt gió trêu tà áo biếc,
Trên giàn thiên lý. Bóng xuân sang.*

*Tiếng ca vắt vẻo lưng chừng núi,
Hồn hén như lời của nước mây,
Thăm thĩ với ai ngồi dưới trúc,
Nghe ra ý vị và thơ ngây...*

*Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời
Bao cô thôn nữ hát trên đồi;
- Ngày mai trong đám xuân xanh ấy,
Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi...*

*Khách xa gặp lúc mùa xuân chín,
Lòng trí băng khuâng sực nhớ làng:
- “Chị ấy, năm nay còn gánh thóc
Đọc bờ sông trắng nắng chang chang?”*

(Hàn Mặc Tử)

Lựa chọn đáp án trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Bài thơ trên thuộc thể thơ nào?

- A. Thơ sáu chữ. B. Thơ bảy chữ. C. Thơ lục bát. D. Thơ tự do.

Câu 2. Phương thức biểu đạt chính của bài thơ trên là?

- A. Biểu cảm. B. Tự sự. C. Miêu tả. D. Thuyết minh.

Câu 3. Thiên nhiên và con người trong bức tranh mùa xuân được thể hiện như thế nào trong bài?

- A. Mang vẻ đẹp cổ điển.
B. Ấm đằm, cô đơn, đờm đờm buồn.
C. Tâm trạng buồn tủi.
D. Trẻ trung, hồn nhiên và tràn đầy sức sống.

Câu 4. Chỉ ra sắc thái nghĩa của từ “nắng ửng” trong câu thơ “*Trong làn nắng ửng: khói mơ tan*”?

- A. Nắng nhẹ, tươi tắn, ấm áp. B. Nắng nhẹ, kèm theo mưa bụi.
C. Nắng chói chang, rực rỡ. D. Nắng gay gắt, nóng nực.

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:

Câu 5: Con người trong bài thơ được thể hiện qua những hình ảnh nào? Hình ảnh nào gắn với nhân vật trữ tình?

Câu 6: Viết 1 câu văn nhận xét về khung cảnh mùa xuân hiện lên qua bài thơ. Câu văn có sử dụng 1 trợ từ.

Câu 7: Chỉ ra và phân tích hiệu quả của biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ đầu tiên?

Câu 8: Từ bài thơ trên, em có suy nghĩ gì về trách nhiệm của con người trong việc bảo vệ thiên nhiên.

ĐỀ 2

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

*Là cửa nhưng không then khóa
Cũng không khép lại bao giờ
Mênh mông một vùng sóng nước
Mở ra bao nỗi đợi chờ.*

*Nơi cá đối vào để trúng
Nơi tôm rảo đến búng càng
Cần câu uốn cong lưỡi sóng
Thuyền ai lấp lóa đêm trăng.*

*Nơi những dòng sông cần mẫn
Gửi lại phù sa bãi bồi
Để nước ngọt ùa ra biển
Sau cuộc hành trình xa xôi.*

*Nơi con tàu chào mặt đất
Còi ngân lên khúc giã từ
Cửa sông tiễn người ra biển
Mây trắng lành như phong thư.*

*Nơi biển tìm về với đất
Bằng con sóng nhớ bạc đầu
Chát muối hòa trong vị ngọt
Thành vũng nước lợ nông sâu.*

*Dù giáp mặt cùng biển rộng
Cửa sông chẳng dứt cội nguồn
Lá xanh mỗi lần trôi xuống
Bỗng... nhớ một vùng núi non.*

(Cửa sông – Theo Quang Huy)

Lựa chọn đáp án trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Bài thơ trên thuộc thể thơ nào?

- A. Bốn chữ B. Năm chữ C. Sáu chữ D. Bảy chữ

Câu 2. Khổ thơ thứ nhất được ngắt nhịp như thế nào?

- A. Nhịp 2/4 B. Nhịp 3/1 C. Nhịp 3/2 D. Nhịp 3/2/3

Câu 3. Trong khổ thơ đầu, tác giả dùng những từ ngữ nào để nói về nơi sông chảy ra biển?

- A. Không then khóa, vùng sóng nước, mở ra.
B. Không then khóa, không khép lại, mở ra.
C. Không khéo lại, vùng sóng nước, mở ra.
D. Không khéo lại, vùng sóng nước, nổi đợi chờ.

Câu 4. Chỉ ra sắc thái nghĩa của từ “về” trong câu thơ “*Nơi biển tìm về với đất*”?

- A. Sắc thái biểu cảm thể hiện sự gần gũi thân thuộc.
B. Sắc thái miêu tả chỉ sự di chuyển giữa nơi này và nơi khác.
C. Sắc thái miêu tả chỉ sự hòa làm một của biển và đất.
D. Sắc thái biểu cảm thể hiện sự khác biệt của biển và đất.

Câu 5. Đâu không phải là đặc điểm của cửa sông?

- A. Nơi biển cả tìm về với đất liền.
B. Nơi nước ngọt chảy vào biển rộng.
C. Nơi nước ngọt của những con sông và nước mặn của biển hòa lẫn vào nhau.
D. Nơi những người thân được gặp lại nhau.

Câu 6. Đoạn thơ cuối bài thơ trên nói lên điều gì về tấm lòng của sông?

- A. Sông không giờ quên cội nguồn.
B. Sông không bao giờ quên biển.
C. Sông không bao giờ xa biển.
D. Sông luôn gắn bó với núi non.

Câu 7. Ý nghĩa của bài thơ Cửa sông?

- A. Miêu tả trình tự sông chảy ra biển, hồ hoặc một dòng sông khác tại cửa sông.
- B. Cho thấy cửa sông là một nơi rất độc đáo, thú vị.
- C. Qua hình ảnh cửa sông, tác giả ngợi ca tình cảm thủy chung, luôn nhớ về cội nguồn.
- D. Cho nên mọi vùng biển đều bắt nguồn từ sông.

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu sau:

Câu 8. Chỉ ra và phân tích biện pháp tu từ trong khổ thơ cuối?

Câu 9. Viết đoạn văn từ 3- 5 câu trình bày suy nghĩ của em về thông điệp mà tác giả gửi gắm qua văn bản. Đoạn văn sử dụng 1 thán từ, gạch chân thán từ đó.

DẠNG 2: VIẾT

Đề 1: Viết bài văn kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội.

REVISION FOR THE MIDTERM TEST 1 - GRADE 8

A. TOPICS: Unit 1, 2, 3.

B. VOCABULARY:

- Leisure time
- Life in the countryside
- Teenagers

C. GRAMMAR:

1. Verbs of liking + gerunds/ to-infinitives

Những động từ đi với cả danh động từ và động từ nguyên thể có “to” mà không đổi về nghĩa

Verbs	Verbs + V-ing	Verbs + to V
Like	<i>I like skateboarding in my free time</i>	<i>I like to skateboard in my free time</i>
Love	<i>She loves training her dog</i>	<i>She loves to train her dog</i>
Hate	<i>He hates eating out</i>	<i>He hates to eat out</i>
Prefer	<i>My mother prefers going jogging</i>	<i>My mother prefers to go jogging</i>

Những động từ chỉ đi với danh động từ (V-ing)

Verbs	Verbs + V-ing
Adore	<i>They adore eating ice-cream</i>
Fancy	<i>Do you fancy making crafts?</i>
Don't mind	<i>I don't mind cooking</i>
Dislike	<i>Does he dislike swimming?</i>
Detest	<i>I detest doing housework</i>

2. Comparative forms of adjectives / adverbs

Comparative forms of adjectives:

So sánh hơn của tính từ sử dụng khi đưa ra phép so sánh giữa 2 đối tượng hoặc nhóm đối tượng.

Form (Cấu trúc)	
S1 + be + adj-er + than S2 (S2 + be).	A car is bigger than a bike.
S1 + be + more + adj + than S2 (S2 + be).	He is more careful than his brother.
How to form comparative adjectives (Cách biến đổi tính từ so sánh hơn)	
Đối với tính từ ngắn: (1 âm tiết) ✓ Kết thúc bằng “e” -> thêm r ✓ Kết thúc bằng 1 nguyên âm (u, e, o, a, i) và 1 phụ âm (trừ h, w, x, y, z) → nhân đôi phụ âm cuối, rồi thêm “er” ✓ Còn lại + er	<i>wide → wider</i> <i>hot → hotter</i> <i>cold → colder</i>
Đối với tính từ dài (từ 2 âm tiết trở lên) ✓ Thêm “more” trước tính từ ✓ Lưu ý: tính từ 2 âm tiết kết thúc bằng y → đổi y thành ier ✓ Tính từ 2 âm tiết kết thúc bằng le, er, ow, et → thêm “er”	<i>interesting → more interesting</i> <i>pretty → prettier</i> <i>narrow → narrower</i> <i>quiet → quieter</i> <i>clever → cleverer</i>

Irregular comparative adjectives (Tính từ bất quy tắc)		
good	<i>better</i>	<i>tốt hơn</i>
bad	<i>worse</i>	<i>tệ, dở hơn</i>
much /many	<i>more</i>	<i>nhiều hơn</i>
little + N số ít, không đếm được	<i>less</i>	<i>ít hơn</i>
few + N số nhiều, đếm được	<i>fewer</i>	<i>ít hơn</i>
far	<i>farther/further</i>	<i>xa hơn</i>

Comparative forms of adverbs

- So sánh hơn của trạng từ sử dụng khi đưa ra phép so sánh cách thức thực hiện 1 việc nào đó giữa 2 đối tượng hoặc nhóm đối tượng.

Form (Cấu trúc)	
S1 + V + adv-er + than S2 (S2 + Vaux).	<i>She came earlier than me (I did).</i>
S1 + V + more + adv + than S2 (S2 + Vaux).	<i>She sings more beautifully than me (I do).</i>
* Vaux: trợ động từ (be/do/have/can...)	

How to form comparative adverbs (Cách biến đổi trạng từ so sánh hơn)

Đối với trạng từ ngắn (1 âm tiết), không kết thúc bằng đuôi -ly ✓ Kết thúc bằng “e” thêm r ✓ Còn lại + er	<i>late → later</i> <i>hard → harder</i>
Đối với trạng từ dài từ 2 âm tiết trở lên), kết thúc bằng đuôi -ly ✓ Thêm “more” trước trạng từ	<i>carefully → more carefully</i>

Irregular comparative adverbs (Trạng từ bất quy tắc)

well	<i>better</i>	<i>tốt hơn</i>
badly	<i>worse</i>	<i>tệ, dở hơn</i>
far	<i>farther/further</i>	<i>xa hơn</i>

3. Simple sentences and compound sentences.

Simple sentences

- Câu đơn là loại câu chỉ chứa một mệnh đề độc lập.

S + V	<i>He is sleeping.</i>
S + V + O	<i>He is eating some chicken.</i>

Notes:

S: Subject - chủ ngữ

V: Verb - động từ

O: Object - tân ngữ

Compound sentences

- Câu ghép là câu chứa 2 hoặc nhiều mệnh đề độc lập (independent clauses)

S + V1, coordinating conjunctions S2 + V2	for (bởi vì), and (và), but (nhưng), or (hoặc), so (vì vậy)
<i>You can read Twilight or you can watch it.</i>	
S + V1; conjunctive adverbs S2 + V2	however (tuy nhiên), therefore (vì vậy), otherwise (nếu không thì)
<i>Lucy tried hard; however, she couldn't win.</i>	

EXERCISES

Exercise 1: Find the word which has a different sound in the part underlined

- | | | | |
|-------------------------|----------------------|----------------------|---------------------|
| 1. A. <u>g</u> roup | B. sh <u>ou</u> ld | C. w <u>ou</u> ld | D. <u>co</u> uld |
| 2. A. <u>a</u> partment | B. <u>a</u> fraid | C. <u>n</u> ation | D. banan <u>a</u> |
| 3. A. ans <u>w</u> er | B. moth <u>e</u> r | C. gen <u>e</u> rous | D. <u>t</u> erm |
| 4. A. <u>c</u> ontinue | B. pr <u>o</u> ject | C. <u>c</u> ompare | D. <u>c</u> ontrol |
| 5. A. <u>u</u> ncle | B. p <u>i</u> cture | C. <u>s</u> uggest | D. <u>s</u> urprise |
| 6. A. b <u>e</u> come | B. s <u>e</u> ntence | C. b <u>e</u> have | D. r <u>e</u> mind |

Exercise 2: Find the word that has different position of stress from the others

- | | | | |
|------------------|----------------|----------------|---------------|
| 1. A. addict | B. affect | C. balance | D. exist |
| 2. A. advertise | B. melody | C. existence | D. Organize |
| 3. A. atmosphere | B. convenient | C. cultivate | D. furniture |
| 4. A. collect | B. pasture | C. canal | D. donate |
| 5. A. discover | B. equipment | C. mountainous | D. experience |
| 6. A. enjoyable | B. concentrate | C. practical | D. media |

Exercise 3: Choose the best answer (A, B, C or D).

- My grandma enjoys _____ woolly hats in her free time.
A. to make B. make C. **making** D. made
- Johnny _____ to play computer games.
A. is addicting to B. **is addicted to** C. addicts to D. addicted to
- My sisters _____ Korean drama _____ Indian drama.
A. prefers – to B. prefers – than C. **prefer - to** D. prefer - than
- Nam _____ the Internet a lot to find useful information for his studying.
A. **surfs** B. types C. checks D. look ups
- Sunny sings the song _____ than Jessie does.
A. as well B. **better** C. the best D. best
- Ly comes to class _____ than she did yesterday.
A. **earlier** B. the most early C. more early D. too earlier
- Is living in the countryside _____ than living in the city?
A. much convenient B. **more convenient** C. most convenient D. too convenient
- The cake tastes _____ than we expected.
A. delicious B. **more delicious** C. deliciously D. more deliciously
- She is trying to work _____ for her upcoming exam.
A. more hardly B. hardly C. hardlier D. **harder**
- _____ do the cattle provide the nomads? – Dairy products, meat, and clothing.
A. **What** B. Where C. When D. Why
- Important decisions of the whole tribal group are often made in the _____ house.
A. **communal** B. communication C. communicate D. common
- ‘Children in my village often fly their kites in dry rice fields.’ ‘_____’
A. What a pity! B. Oh, I don’t care!
C. Yes, me too! D. **How interesting!**
- ‘Is it true that Y Moan was the greatest pop singer of the Ede?’ ‘_____’
A. Really? B. How beautiful! C. Come on! D. **Exactly.**
- ‘Look at this dish, Nick. It has five colours.’ ‘_____’
A. **How nice!** B. What a shame! C. Sounds bad. D. Okay.

15. 'In some ethnic groups, women play the leading role in the family' ' _____',
 A. Well, of course. B. I don't think so.
 C. **Wow, that's surprising!** D. It's all right
16. Quang helps his parents _____ the rice onto the ox-drawn cart.
 A. load B. collect C. dry D. ride
17. In my opinion, city life is more _____ than country life.
 A. friendly B. exciting C. natural D. peaceful
18. I love this view because the sky is _____ here in the countryside because there are no buildings to block the view.
 A. tidy B. close C. dense D. vast
20. Look! Some boys are _____ the buffaloes.
 A. picking B. playing C. driving D. herding
21. Julia plays the guitar _____ than Anna does.
 A. more goodly B. more well C. better D. gooder
22. You can have a cup of coffee, _____ you can drink some tea.
 A. so B. but C. for D. or
23. Today I got up _____ than I did yesterday.
 A. earlier B. more early C. more earlyly D. more earlier
24. Kelly is so keen _____ comedies.
 A. at B. on C. in D. with
25. Why are you interested _____ doing DIY projects?
 A. at B. on C. in D. with
26. Sue _____ eating durian because it doesn't smell good.
 A. detests B. enjoys C. hate D. likes
27. Do you think learning languages _____ useful for students?
 A. are B. is C. am D. be
28. I feel _____ when I do leisure activities in my free time.
 A. relaxed B. relaxation C. relaxing D. relax
29. We like _____ friends every day.
 A. text B. texting C. texted D. texts
30. _____ is one of girls' most popular leisure activities.
 A. Shopping window B. Window shop C. Window shopping D. Shop windows
31. I was tired, _____ I went to bed early.
 A. and B. or C. but D. so
32. I tried to call her, _____ she didn't answer.
 A. and B. or C. but D. so
33. She can sing well; _____ she can't dance.
 A. and B. however C. but D. therefore
34. He was hungry; _____ he ate two bowls of rice.
 A. therefore B. however C. otherwise D. so
35. You should drive carefully; _____ you may cause an accident.
 A. however B. but C. otherwise D. therefore

Exercise 4: Choose the word or phrase that is CLOSEST in meaning to the part in each of the following sentences.

- The most popular evening out among teenagers is going to the cinema.
A. common B. famous C. interesting D. boring
- He is hooked on football so much that he goes to every match of his favourite team.
A. is interested in B. is fed up with C. is tired of D. is in favor of
- It is risky to travel across the mountain at night.
A. safe B. unsafe C. convenient D. inconvenient

Exercise 5: Choose the word or phrase that is OPPOSITE in meaning to the underline part in each of the following sentences.

- Billy is an amateur musician. He spends most of his free-time playing the guitar and composing new songs with his school band
A. knowledgeable B. professional C. talented D. well-educated
- The King was not brave enough to protect his kingdom and let the monster take the Princess away.
A. courageous B. confident C. strong D. coward
- The majority of The Viet live along the Red River and The Mekong Delta.
A. a half B. all C. minority D. none

Exercise 6: Choose the underlined part A, B, C, or D that needs correcting.

- I don't like doing origami because I'm not patient enough.
A. don't B. doing C. because D. patient
- There is many leisure activities you can choose to do.
A. is B. many C. can D. to do
- Children spend too much time to play video games.
A. spend B. much C. to play D. games
- Thanks to the development of technology, ploughing machine can plough very much more fastly than a buffalo.
A. ploughing B. can C. much D. more fastly
- Harvest time is often more busy and harder for farmers.
A. Harvest B. is C. more busy D. harder
- The streets in the city are much crowded than those in the countryside.
A. in B. are C. crowded D. those

Exercise 7: Read the following passage and choose the option (A, B, C or D) that best answers each of the questions below.

With the habit of working in teams and being helpful to one another, villagers usually earn their living from farming, raising livestock, and making handicrafts. They live in a small community with a temple or a communal cultural house where great events, such as festivals worshipping the village god and traditional games are organized. Villagers in the Southern usually live in houses lined up along central roads and built on stilts to keep above flood waters. Along the coastal lines, fishermen depend on the sea as a means of livelihood. In Central Vietnam, a place suffering lots of natural disasters all year round, citizens tend to be more studious and hard-working than those in regions with favorable conditions. People in the central highlands and the northern mountains live by growing rice, rubber trees coffee, and tea as well as hunting.

1. What can be the topic of the passage?

- A. Villagers across the country. B. Villagers around the world.
C. Vietnamese life in the countryside. D. Vietnamese life in the city.

2. Which activity is NOT MENTIONED as a way for villagers to earn their livings?

- A. Farming. B. Raising livestock.
C. Making handicrafts. D. Working for companies

3. Why do Southern villagers need to build their houses on stilt?

- A. To protect the house from being attacked by wild animals.
- B. To protect the house from being flooded.**
- C. To protect the house from earthquakes.
- D. To protect the house from evil things.

4. Which sentence is NOT TRUE according to the passage?

- A. There are many disasters in the Central Vietnam.
- B. Villagers in the Southern usually live in houses lined up along central roads.
- C. People in the Northern Mountainous earn their livings by hunting.
- D. Villagers often work individually.**

5. Which explanation has the closest meaning to the word “studious” in the passage?

- A. Spending a lot of time studying.**
- B. Lacking of academic knowledge.
- C. Being lazy in studying.
- D. Being very intelligent.

Exercise 8: Read the following passage and choose the correct answer for each gap.

I surf the Internet every day, but I’ve never (1)_____ more than an hour at a time online. I’ve got a laptop and also a smartphone, so I can (2)_____ the Internet anywhere. Today, for instance, I’ve been (3)_____ three times.

Mainly I just (4)_____ my friends. I read online magazines and I look (5)_____ information, too. I also compare prices of things, (6)_____ I’ve never bought anything online because I don’t think it’s safe.

I’m not an Internet addict, but some of my friends (7)_____. One friend of mine always looks (8)_____ because he spends all night online. Although he’s got a lot of bad marks for the exams, he hasn’t (9)_____ his habits.

In my experience, it’s very useful for people who use the Internet (10)_____.

- 1. A. spend B. spending **C. spent** D. to spend
- 2. A. have **B. use** C. play D. do
- 3. **A. online** B. Internet C. computer D. newspaper
- 4. A. write **B. email** C. send D. get
- 5. A. at B. in **C. for** D. to
- 6. A. because **B. but** C. although D. so
- 7. A. is B. were **C. are** D. was
- 8. **A. tired** B. hard C. happily D. interested
- 9. A. change B. to change **C. changed** D. changing
- 10. A. sensible **B. sensibly** C. sensibleness D. insensible

Exercise 9: Choose the word or the phrase among A,B, C or D that best fits the blank space in the following passage.

The country and the city have advantages and (1)_. People in the country live in more beautiful surroundings. They enjoy (2)_____ and quietness, and can do their work at their (3)_____ pace because no one is in a (4)_____. They live in larger, more comfortable houses, and their neighbors are more friendly, and ready to help them (5)_____ they need it. Their life, however, can be (6)_____ and they may be isolated, which is a serious problem (7)_____ they are ill or want to take children to school.

The city has all the services that the country lacks, but it (8)_____ has a lot of disadvantages. Cities are often polluted. They not (9)_____ have polluted air but also have noisy streets. Everyone is always in a hurry and this (10)_____ that people have no time to get to know each other and make friends.

- 1. **A. joy** B. enjoyment C. happiness **D. disadvantages**

- | | | | |
|---------------------|-------------------|---------------------|--------------------|
| 2. A. quiet | B. quietly | C. peace | D. peaceful |
| 3. A. less | B. own | C. just | D. only |
| 4. A. hurry | B. hurried | C. hurriedly | D. hurrying |
| 5. A. When | B. which | C. what | D. that |
| 6. A. bore | B. bored | C. boring | D. bores |
| 7. A. unless | B. because | C. although | D. if |
| 8. A. also | B. yet | C. already | D. so |
| 9. A. never | B. ever | C. hardly | D. only |
| 10. A. aims | B. means | C. asks | D. said |

Exercise 10: Write the second sentence so that it has a similar meaning to the first one

- I fancy making origami in my free time.
→ I am _____
- My alarm didn't go off this morning. I was late.
→ My alarm _____
- Listening to music is my favorite activity in my free time.
→ I enjoy _____
- Yesterday the temperature was nine degrees. Today it's only six degrees. (cold)
→ It's _____
- The journey takes four hours by car and five hours by train. (more)
→ It takes _____

Exercise 11: Make sentences, using the words, phrases below

- Peter/ prefer/ play/ computer games/ in his free time.

- My father/ enjoy/ play/ sports/ and/ read/ book

- Many teenagers/ addicted/ the Internet/ computer games

- I/ play/ badminton/ badly/ Tom /.

- Anna/ behave/ politely/ her younger brother /.

A. NỘI DUNG ÔN TẬP

I. Phân môn Địa lí

1. Học sinh ôn tập kiến thức các bài: 1,2,3,4.

2. Nội dung chính:

* *Phần 1: Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ Việt Nam.*

- Đặc điểm vị trí địa lí của Việt Nam.

- Phân tích ảnh hưởng của vị trí và phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên Việt Nam.

* *Phần 2: Địa hình Việt Nam.*

- Đặc điểm chủ yếu của địa hình Việt Nam.

- Đặc điểm các khu vực địa hình: địa hình đồi núi, địa hình đồng bằng, địa hình bờ biển và thềm lục địa.

- Chứng minh ảnh hưởng của sự phân hóa địa hình đối với sự phân hóa lãnh thổ tự nhiên và khai thác kinh tế

* *Phần 3: Khoáng sản Việt Nam.*

- Đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản Việt Nam.

- Đặc điểm phân bố các loại khoáng sản chủ yếu và vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản.

* *Phần 4: Khí hậu Việt Nam.*

- Đặc điểm khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.

II. Phân môn Lịch sử

1. Học sinh ôn tập kiến thức các bài: 1,2,3,4,5,6

2. Nội dung chính

* *Phần lịch sử thế giới*

- Chương 1. Châu Âu và Bắc Mỹ từ nửa sau thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII

- Chương 2. Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XVI đến giữa thế kỉ XIX

* *Phần lịch sử Việt Nam*

- Cuộc xung đột Nam – Bắc triều và Trịnh – Nguyễn

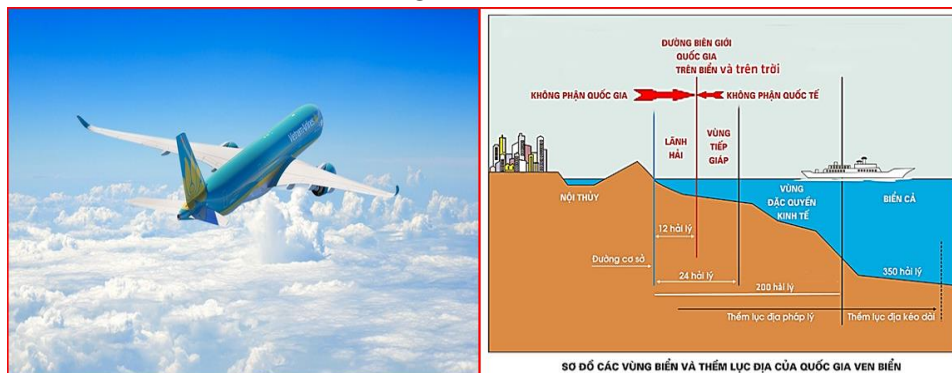
- Công cuộc khai phá vùng đất phía Nam từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII

B. CẤU TRÚC ĐỀ THI: 50% trắc nghiệm + 50% tự luận.

C. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN TẬP

I. Phân môn Địa lí

Câu 1: Quan sát hình ảnh và sơ đồ cho biết vùng trời nước ta được xác định như thế nào?



Câu 2: Tìm hiểu về những thuận lợi của vị trí địa lí nước ta trong việc giao lưu với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Câu 3: So sánh đặc điểm địa hình của Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 4: Vẽ sơ đồ thể hiện sự đa dạng của tài nguyên khoáng sản Việt Nam.

Câu 5: Trình bày đặc điểm khí hậu ở địa phương em.

II. Phân môn Lịch sử

Câu 1. So sánh, rút ra điểm giống và khác nhau giữa Cuộc cách mạng tư sản Anh; Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ .

Câu 2. Em hãy trình bày những thành tựu tiêu biểu của cuộc cách mạng công nghiệp diễn ra vào thế kỉ XVIII.

Câu 3. Nêu tác động quan trọng của cuộc cách mạng công nghiệp diễn ra vào thế kỉ XVIII đối với sản xuất và đời sống.

Câu 4. Lập bảng hệ thống về các cuộc xung đột Nam – Bắc triều và Trịnh – Nguyễn theo gợi ý dưới đây

Nội dung	Xung đột Nam – Bắc triều	Xung đột Trịnh – Nguyễn
Người đứng đầu		
Nguyên nhân		
Thời gian		
Hệ quả		

Câu 5. Giả sử là một người dân sống ở thế kỉ XVI – XVII, em hãy đưa ra những lí do phản đối các cuộc xung đột Nam – Bắc triều và Trịnh – Nguyễn.

A. LÝ THUYẾT

HS ôn lại các kiến thức cơ bản của 4 bài:

Bài 1: Một số tiêu chuẩn trình bày bản vẽ kỹ thuật.

Bài 2: Hình chiếu vuông góc.

Bài 3: Bản vẽ chi tiết.

Bài 4: Bản vẽ lắp.

B. BÀI TẬP

I. Trắc nghiệm

Câu 1. Bản vẽ kỹ thuật là tài liệu kỹ thuật được

A. trình bày dưới dạng hình vẽ theo một quy tắc thống nhất.

B. trình bày dưới dạng văn bản theo một quy tắc thống nhất.

C. trình bày dưới dạng đồ họa.

D. trình bày dưới dạng văn bản.

Câu 2. Khổ giấy A4 có kích thước tính theo mm là

A. 420 x 210

B. 279 x 297

C. 420 x 297

D. 297 x 210

Câu 3. Đầu là tỉ lệ phóng to?

A. 1:2

B. 1:1

C. 2:1

D. 1:20

Câu 4. “ - - - - - ” hãy cho biết đây là hình dạng nét vẽ nào?

A. Nét liền đậm.

B. Nét liền mảnh.

C. Nét đứt.

D. Nét gạch dài - chấm - mảnh.

Câu 5. “ ————— ” hãy cho biết đây là hình dạng nét vẽ nào?

A. Nét liền đậm

B. Nét liền mảnh

C. Nét đứt

D. Nét gạch dài - chấm - mảnh.

Câu 6. Phát biểu nào sau đây sai?

A. Nét liền mảnh biểu diễn đường gióng.

B. Nét liền đậm biểu diễn đường bao thấy.

C. Nét gạch dài chấm mảnh biểu diễn đường tâm.

D. Nét liền đậm biểu diễn đường kích thước.

Câu 7. Kích thước trên bản vẽ kỹ thuật có đơn vị:

A. mm

B. dm

C. cm

D. Tùy từng bản vẽ

Câu 8. Phát biểu nào sau đây về đường kích thước là đúng?

A. Đường kích thước thẳng đứng, con số kích thước ghi bên phải.

B. Đường kích thước nằm ngang, con số kích thước ghi bên trên.

C. Đường kích thước nằm nghiêng, con số kích thước ghi bên dưới.

D. Ghi kí hiệu R trước con số chỉ kích thước đường kính đường tròn.

Câu 9. Có bao nhiêu hình chiếu vuông góc?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 10. Hình chiếu đứng có hướng chiếu:

A. Từ dưới lên.

B. Từ trên xuống.

C. Từ trái sang.

D. Từ trước tới

Câu 11. Vị trí các hình chiếu trên bản vẽ được sắp xếp là:

A. Hình chiếu bằng ở dưới hình chiếu đứng, hình chiếu cạnh ở bên phải hình chiếu đứng.

B. Hình chiếu bằng ở trên hình chiếu đứng, hình chiếu cạnh ở bên trái hình chiếu đứng.

C. Hình chiếu cạnh ở bên phải hình chiếu đứng, hình chiếu bằng ở bên trái hình chiếu đứng.

D. Hình chiếu đứng ở dưới hình chiếu bằng, hình chiếu cạnh ở bên phải hình chiếu bằng.

Câu 12. Để nhận được hình chiếu cạnh, cần chiếu vuông góc vật thể theo hướng chiếu nào?

A. từ trước ra sau

B. từ trên xuống dưới

C. từ trái sang phải

D. từ phải sang trái

Câu 13. Hình hộp chữ nhật được bao bởi

A. hai mặt đáy là 2 hình chữ nhật bằng nhau và 4 hình mặt bên là các hình chữ nhật.

B. hai mặt đáy là 2 tam giác đều bằng nhau và các mặt bên là các hình chữ nhật bằng nhau.

C. mặt đáy là một đa giác đều và các mặt bên là các tam giác cân bằng nhau có chung đỉnh.

D. hai mặt đáy là 2 hình chữ nhật bằng nhau và 4 hình mặt bên là các hình tam giác.

Câu 14. Hình chóp đều được bao bởi các hình gì ?

A. Một đa giác đều và các tam giác cân.

B. Một hình chữ nhật và các tam giác vuông.

C. Một hình chữ nhật và các hình tròn.

D. Một hình chữ nhật và các đa giác đều.

Câu 15: Hình nón được tạo thành khi quay

A. một hình chữ nhật một vòng quanh một cạnh cố định.

B. một hình tam giác vuông một vòng quanh một cạnh góc vuông

C. nửa hình tròn một vòng quanh đường kính của nửa đường tròn đó.

D. một hình vuông một vòng quanh một cạnh cố định.

Câu 16. Hình nón có đáy song song với mặt phẳng chiếu bằng. Hỏi hình chiếu cạnh có hình gì?

A. Hình tròn

B. Hình vuông

C. Hình chữ nhật

D. Tam giác cân

Câu 17. Thường dùng mấy hình chiếu để biểu diễn hình cầu?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 18. Vẽ hình chiếu vuông góc của vật thể gồm mấy bước?

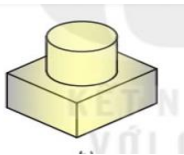
A. 3

B. 4

C. 5

D. 6

Câu 19. Vật thể sau được ghép bởi mấy khối hình học?



A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 20: Bản vẽ chi tiết của sản phẩm gồm mấy nội dung?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

Câu 21. Trình tự đọc bản vẽ chi tiết là

A. khung tên → hình biểu diễn → kích thước → yêu cầu kỹ thuật.

B. khung tên → kích thước → hình biểu diễn → yêu cầu kỹ thuật.

C. khung tên → hình biểu diễn → yêu cầu kỹ thuật → kích thước.

D. hình biểu diễn → kích thước → yêu cầu kỹ thuật → khung tên.

Câu 22. Phần nào trong bản vẽ thể hiện đầy đủ hình dạng của chi tiết?

A. Khung tên

B. Hình biểu diễn

C. Kích thước

D. Yêu cầu kỹ thuật

Câu 23. Trong bản vẽ lắp thể hiện mấy nội dung?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

Câu 24. Trình tự đọc bản vẽ lắp?

A. Hình biểu diễn → Khung tên → Bảng kê → Kích thước → Phân tích chi tiết → Tổng hợp

B. Khung tên → Bảng kê → Kích thước → Hình biểu diễn → Phân tích chi tiết → Tổng hợp

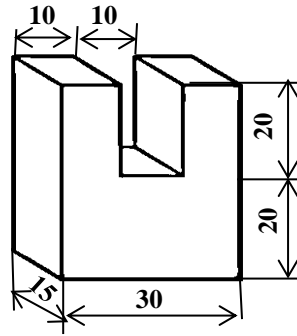
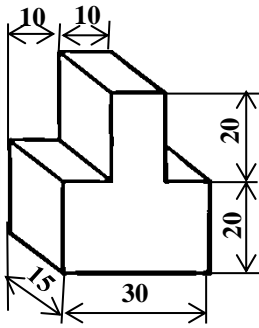
C. Khung tên → Bảng kê → Hình biểu diễn → Kích thước → Phân tích chi tiết → Tổng hợp

D. Khung tên → Kích thước → Bảng kê → Hình biểu diễn → Phân tích chi tiết → Tổng hợp

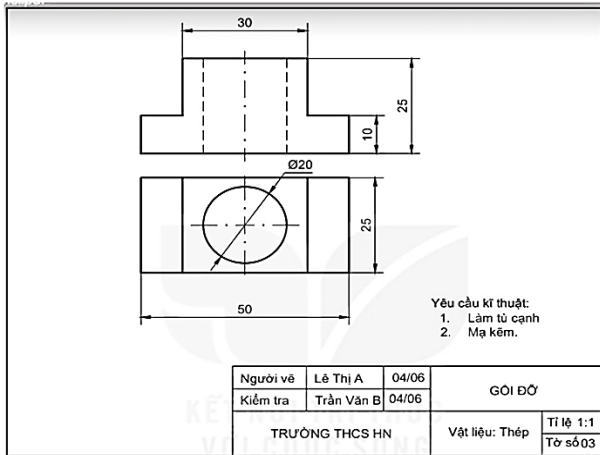
II. Tự luận

Câu 1.

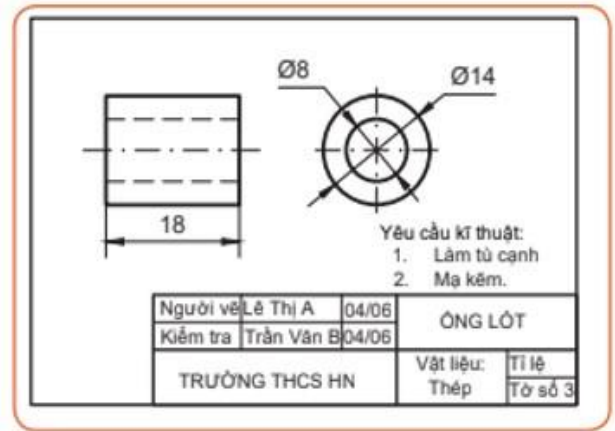
Em hãy vẽ hình chiếu đứng, hình chiếu bằng của vật thể có hình dạng sau:



Câu 2. Em hãy đọc bản vẽ chi tiết dưới đây theo đúng trình tự?

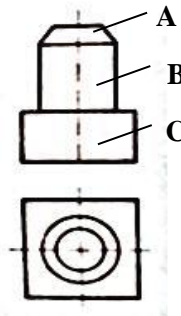
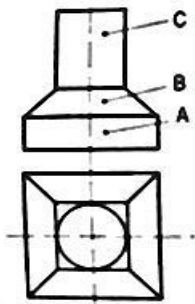


Hình 1



Hình 2

Câu 3. Em hãy phân tích hình dạng của vật thể thông qua hình biểu diễn sau?



I. Nội dung: Ôn nội dung kiến thức các bài/chương:

1. Chương I: Phản ứng hóa học

2. Bài 8: Acid

II. Hình thức kiểm tra: Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 70% trắc nghiệm, 30% tự luận).

III. Hệ thống câu hỏi trắc nghiệm ôn tập để học sinh tham khảo luyện tập

Chọn đáp án đúng cho các câu hỏi sau:

Câu 1: Trường hợp nào sau đây **không** xảy ra biến đổi hóa học?

- A. Đốt cao su có mùi hắc rất khó chịu.
- B. Trên bề mặt các hôtôi vôi để lâu ngày sẽ có lớp màng mỏng màu trắng.
- C. Quả bóng bay trên cao rồi nổ tung.
- D. Khi chiên trứng gà nếu đun quá lửa sẽ có mùi khét.

Câu 2: Trong phản ứng sau chất nào là sản phẩm?

Hydrochloric acid + potassium carbonate \rightarrow potassium chloride + carbon dioxide + nước

- A. hydrochloric acid, Sodiumchloride
- B. potassiumchloride, carbon dioxide
- C. carbon dioxide, nước
- D. potassiumchloride, carbon dioxide, nước

Câu 3: Cồn cháy được là do phản ứng với khí oxygen, tạo ra khí carbon dioxide và hơi nước. Phương trình chữ nào biểu thị đúng cho phản ứng trên?

- A. Cồn + khí Oxygen \rightarrow carbon dioxide
- B. Cồn + khí Oxygen \rightarrow carbon dioxide + hơi nước
- C. Cồn + khí Oxygen \rightarrow hơi nước
- D. Cồn \rightarrow hơi nước + carbon dioxide

Câu 4: Mol là lượng chất có chứa bao nhiêu hạt vi mô (nguyên tử, phân tử, ...) của chất đó?

- A. $6,022 \times 10^{22}$.
- B. $6,022 \times 10^{23}$.
- C. $6,022 \times 10^{24}$.
- D. $6,022 \times 10^{25}$.

Câu 5: Khối lượng mol có kí hiệu

- A. m.
- B. M.
- C. N.
- D. n.

Câu 6: Khối lượng nguyên tử oxygen là 16 amu, khối lượng mol nguyên tử của oxygen là:

- A. 32 kg/mol.
- B. 16 kg/mol.
- C. 16 g/mol.
- D. 32 g/mol.

Câu 7: Mối quan hệ giữa số mol và khối lượng là:

- A. $n = M/m$.
- B. $m = M/n$.
- C. $n = m/M$.
- D. $n = m.M$.

Câu 8: Công thức chuyển đổi giữa số mol và thể tích của chất khí ở điều kiện tiêu chuẩn là:

- A. $n = V/22,4$.
- B. $n = V/24,79$.
- C. $n = 22,4/V$.
- D. $n = 24,79/V$.

Câu 9: Ở điều kiện chuẩn (đkc) một mol khí bất kì chiếm thể tích là

- A. 2,24 lít.
- B. 24,79 lít.
- C. 24 lít.
- D. 2,479 lít.

Câu 10: Khối lượng mol phân tử của Fe_2O_3 là

- A. 155 gam/mol. B. 160 gam/mol. C. 160 amu. D. 170 gam.

Câu 11: Tỷ khối của khí A đối với khí B là:

- A. $d_{A/B} = n_A/n_B$. B. $d_{A/B} = M_A/M_B$. C. $d_{A/B} = n_B/n_A$. D. $d_{A/B} = M_B/M_A$.

Câu 12: Tỷ khối của một khí với không khí là:

- A. $d_{X/\text{không khí}} = n_X/29$. B. $d_{X/\text{không khí}} = 29/n_X$.
C. $d_{X/\text{không khí}} = 29/M_X$. D. $d_{X/\text{không khí}} = M_X/29$.

Câu 13: Tỷ khối hơi của khí lưu huỳnh đioxit SO_2 đối với khí clo Cl_2 là:

- A. 0,19 B. 1,5 C. 0,9 D. 1,7

Câu 14: Tỷ khối hơi của khí cacbon oxit CO đối với không khí là:

- A. 0,97 B. 1,036 C. 0,09 D. 1,063

Câu 15: Có thể thu khí O_2 vào bình bằng cách:

- A. Đặt đứng bình B. Đặt úp bình C. Đặt ngang bình D. Đặt nghiêng bình

Câu 16: Biết: $d_{A/B} = 1,5$ nhận xét nào sau đây **sai**?

- A. Khí A nhẹ hơn khí B 1,5 lần. B. Khí A nặng hơn khí B 1,5 lần.
C. $M_A = 1,5.M_B$. D. $M_B = M_A/1,5$.

Câu 17: Cho X có $d_{X/kk} = 1,52$. Khí X có thể là chất nào sau đây?

- A. CO B. NO C. N_2O D. N_2

Câu 18: Dung dịch chưa bão hòa là

- A. dung dịch có thể hòa tan thêm chất tan. B. không thể hòa tan thêm chất tan.
C. tỉ lệ 1 : 1 giữa chất tan và dung môi. D. làm quỳ tím hóa đỏ.

Câu 19: Hai chất không thể hòa tan với nhau tạo thành dung dịch là:

- A. nước và đường. B. dầu ăn và xăng.
C. rượu và nước. D. dầu ăn và cát.

Câu 20: Ở nhiệt độ xác định, độ tan của một chất trong nước là:

- A. số gam chất đó có thể tan trong 100 g dung dịch.
B. số gam chất đó có thể tan trong 100 g nước.
C. số gam chất đó có thể tan trong 100 g dung môi để tạo thành dung dịch bão hòa.
D. số gam chất đó có thể tan trong 100 g nước để tạo thành dung dịch bão hòa.

Câu 21: Khi mở các chai nước giải khát có ga thấy xuất hiện hiện tượng sủi bọt vì:

- A. Áp suất của khí CO_2 trong chai nhỏ hơn áp suất của khí quyển, khi mở nút chai dưới áp suất của khí quyển, độ tan giảm đi, khí CO_2 trong dung dịch thoát ra.
B. Áp suất của khí CO_2 trong chai bằng áp suất của khí quyển, khi mở nút chai dưới áp suất của khí quyển, độ tan giảm đi, khí CO_2 trong dung dịch thoát ra.
C. Áp suất của khí CO_2 trong chai bằng áp suất của khí quyển, khi mở nút chai dưới áp suất của khí quyển, độ tan tăng lên, khí CO_2 trong dung dịch thoát ra.
D. Áp suất của khí CO_2 trong chai lớn hơn áp suất của khí quyển, khi mở nút chai dưới áp suất của khí quyển, độ tan giảm đi, khí CO_2 trong dung dịch thoát ra.

Câu 22: Cho phản ứng hóa học sau: $aA + Bb \rightarrow cC + dD$. Biểu thức về khối lượng của phản ứng này là:



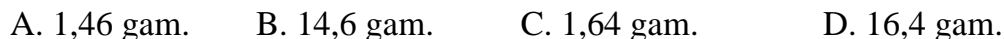
Câu 23: Đốt cháy 1,2 gam carbon cần a gam oxygen, thu được 4,4 gam khí carbon dioxide. Tính a?



Câu 24: Nếu nung 5 tấn Calcium carbonate sinh ra 2,2 tấn khí carbon dioxide và Calcium Oxide? Khối lượng Calcium Oxide là: A. 7,2 tấn. B. 2,8 tấn. C. 3,2 tấn. D. 5,6 tấn.

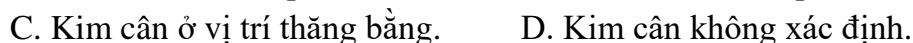
Câu 25: Khử hoàn toàn 12 gam CuO bằng 4,2 gam khí CO thu được 6,6 gam CO₂ và đồng. Tính khối lượng của đồng tạo ra? A. 1,5 gam. B. 9,6 gam. C. 3,0 gam. D. 0,75 gam.

Câu 26: Cho 13 gam zinc (Zn) tác dụng với dung dịch hydrochloric acid (HCl) thu được 27,2 gam zinc chloride và 0,4 gam khí hydrogen. Tính khối lượng của hydrochloric acid (HCl) đã phản ứng?

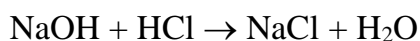


Câu 27: Một cốc đựng dung dịch hydrochloric acid và 1 viên kẽm được đặt ở đĩa cân X. Trên đĩa cân Y đặt các quả cân sao cho kim cân ở vị trí cân bằng. Bỏ viên kẽm vào cốc acid.

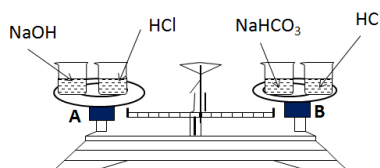
Biết rằng có phản ứng: $Zn + 2HCl \rightarrow ZnCl_2 + H_2 \uparrow$. Vị trí của kim cân là:



Câu 28: Bộ cân như hình bên đang ở vị trí thẳng bằng. Trên đĩa A có 2 cốc đựng các dung dịch NaOH và HCl, trên đĩa B có 2 cốc đựng các dung dịch NaHCO₃ và HCl. Trên mỗi đĩa cân ta rót hết lượng dung dịch HCl vào cốc bên cạnh. Giả thiết khối lượng các chiếc cốc bằng nhau và các phản ứng xảy ra là:



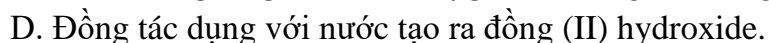
(Mũi tên \uparrow thể hiện khí thoát ra)



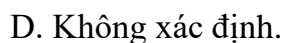
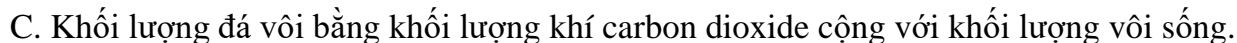
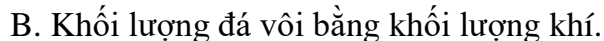
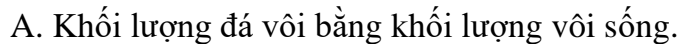
Kết thúc thí nghiệm thì cân lệch về bên đĩa nào?



Câu 29: Khi nung miếng đồng ngoài không khí thấy khối lượng miếng đồng tăng lên là vì:



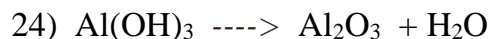
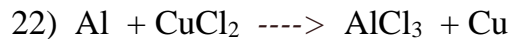
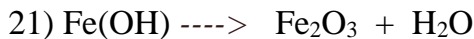
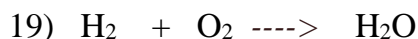
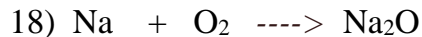
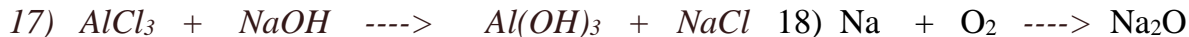
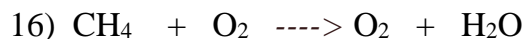
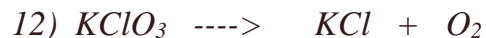
Câu 30: Khi nung đá vôi thu được vôi sống và khí carbon dioxide. Kết luận nào sau đây là đúng?



IV. Một số câu hỏi tự luận để học sinh tham khảo luyện tập

Bài 1. Hoàn thành các phương trình hóa học sau:





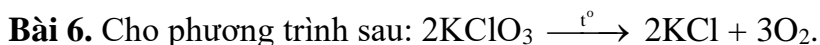
Bài 2. Mg phản ứng với HCl theo phản ứng: $Mg + HCl \rightarrow MgCl_2 + H_2$. Sau phản ứng thu được 2,479 lít (đkc) khí hydrogen thì khối lượng của Mg đã tham gia phản ứng là bao nhiêu?

Bài 3. Hòa tan hoàn toàn 6,75 gam kim loại aluminium trong dung dịch hydrochloric acid HCl dư. Phản ứng hóa học giữa aluminium và hydrochloric acid HCl được biểu diễn theo sơ đồ sau:



Bài 4. Đốt cháy hoàn toàn 7,5 gam than đá có chứa 4% tạp chất không cháy thu được khí carbon dioxide. Thể tích khí oxygen cần dùng (đktc) để đốt cháy hết lượng than đá trên là bao nhiêu?

Bài 5. Trộn 10,8 gam bột nhôm với bột lưu huỳnh dư. Cho hỗn hợp vào ống nghiệm và đun nóng để phản ứng xảy ra thu được 25,5 gam Al_2S_3 . Tính hiệu suất phản ứng?



Biết hiệu suất phản ứng là 80% thì từ 0,6 mol $KClO_3$ sẽ thu được bao nhiêu mol khí oxygen?

(Cho H=1; C=12; N=14; O=16; Mg=24; Al=27; S=32; Cl=35,5; K=39; Ca=40; Fe=56; Cu=64; Zn=65)

A. NỘI DUNG ÔN TẬP

Chủ đề 1: Máy tính và cộng đồng

Bài 1: Lược sử công cụ tính toán

Chủ đề 2: Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin

Bài 2: Thông tin trong môi trường số

Bài 3: Thực hành: Khai thác thông tin số

Chủ đề 3: Đạo đức, pháp luật và văn hóa trong môi trường số

Bài 4: Đạo đức và văn hóa trong sử dụng công nghệ kỹ thuật số

B. CẤU TRÚC ĐỀ THI

50% trắc nghiệm (gồm 20 câu) và 50% tự luận

C. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN TẬP

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM

Em hãy khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất

Câu 1: Chiếc máy tính cơ học Pascal do ai sáng tạo ra?

- A. Charles Babbage.
- B. John Mauchly.
- C. Blaise Pascal.
- D. J. Presper Eckert.

Câu 2: Sau Pascal, Gottfried Leibniz đã cải tiến và thêm vào phép tính gì để máy tính của Pascal thực hiện cả bốn phép tính số học?

- A. Phép chia và phép trừ.
- B. Phép nhân và phép cộng.
- C. Phép nhân và phép chia.
- D. Phép nhân và phép trừ.

Câu 3: Ai được coi là cha đẻ của công nghệ máy tính?

- A. Charles Babbage.
- B. Gottfried Leibniz.
- C. John Mauchly.
- D. Blaise Pascal.

Câu 4: Ý tưởng nào đóng vai trò quan trọng trong lịch sử phát triển của máy tính?

- A. Cơ giới hóa việc lao động.
- B. Trí óc hóa việc tính toán.
- C. Cơ giới hóa việc tính toán.
- D. Trí óc hóa việc lao động.

Câu 5: Thời kì đầu các máy tính được thiết kế dựa trên các rơ le được gọi là?

- A. Máy tính thông minh.
- B. Máy tính hiện đại.
- C. Máy tính khoa học.
- D. Máy tính điện cơ.

Câu 6: Năm 1943, Howard Aiken đã chế tạo thành công?

- A. Máy tính cơ giới hóa.
- B. Máy tính cơ học Pascal.
- C. Máy tính điều khiển tuần tự tự động.
- D. Máy tính cầm tay.

Câu 7: Theo nguyên lý "chương trình được lưu trữ" thì cấu tạo của máy tính không có?

- A. Thiết bị ra.
- B. Bộ xử lý.
- C. Bộ nhớ.
- D. Con chuột.

Câu 8: Công nghệ nào thay thế rơ le điện cơ?

- A. Công nghệ cơ giới hóa.
- B. Công nghệ tự động hóa.
- C. Công nghệ đèn điện tử.
- D. Công nghệ chế tạo.

Câu 9: Thông tin số là?

- A. Thông tin được mã hóa thành dãy bit.
- B. Thông tin được chuyển vào máy tính, điện thoại thông minh, máy tính bảng,.... để có thể lan truyền, trao đổi trong một môi trường kỹ thuật số.
- C. Thông tin được mã hóa thành dãy bit, được chuyển vào máy tính, điện thoại thông minh, máy tính bảng,.... để có thể lan truyền, trao đổi trong một môi trường kỹ thuật số.

D. Thông tin có thể trao đổi dựa trên thông tin trên giấy.

Câu 10: Đặc điểm của thông tin số là?

A. Có thể trao đổi không cần mạng.

B. Có thể trao đổi dựa trên thông tin trên giấy.

C. Có thể truy cập từ xa thông qua kết nối Internet.

D. Có thể trao đổi trên đài Radio.

Câu 11: Điều không phải là đặc điểm của thông tin số?

A. Thông tin số có thể truy cập từ xa qua Internet.

B. Thông tin số dễ dàng được nhân bản và chia sẻ.

C. Thông tin số chỉ có thể truy cập ở khoảng cách gần.

D. Thông tin số có thể được lan truyền tự động do nhiều thiết bị được đồng bộ với nhau.

Câu 12: Thông tin số có thể được truy cập từ xa nếu.

A. Người quản lý thông tin đó cho phép.

B. Thông tin có khả năng truyền tải xa.

C. Thông tin ít dữ liệu.

D. Người quản lý thông tin không cho phép.

Câu 13: Điều gì quyết định thông tin có còn ý nghĩa hay không?

A. Sự chính xác của thông tin.

B. Thông tin mang tính sự kiện.

C. Thời điểm công bố thông tin.

D. Đặc điểm của thông tin.

Câu 14: Điền vào chỗ trống: Thông tin số được nhiều tổ chức và cá nhân lưu trữ với dung lượng rất lớn,

A. được truy cập tự do và có độ tin cậy khác nhau.

B. được bảo hộ quyền tác giả và không đáng tin cậy.

C. được bảo hộ quyền tác giả và có độ tin cậy khác nhau.

D. được bảo hộ quyền tác giả và rất đáng tin cậy.

Câu 15: Thông tin nào dưới đây có độ tin cậy thấp?

A. Thông tin ở các trang web được cập nhật hàng giờ.

B. Thông tin vừa được công bố trên thời sự.

C. Thông tin ở các trang web đã lâu không được cập nhật.

D. Thông tin trên các trang báo không chính thống.

Câu 16: Để hiểu về cách sử dụng một chiếc máy ảnh mới, nguồn thông tin nào sau đây cần được tham khảo nhất?

A. Hướng dẫn của một người đã từng chụp ảnh.

B. Hướng dẫn của một người giỏi Tin học.

C. Hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất.

D. Câu trả lời trên một số diễn đàn về chụp ảnh.

Câu 17: Loại thông tin nào dưới đây em không nên lựa chọn?

A. Thông tin có thời gian gần với thời gian em tìm kiếm thông tin.

B. Thông tin đã được kiểm chứng.

C. Nguồn thông tin không rõ ràng.

D. Thông tin phù hợp với nội dung trình bày.

Câu 18: Nguồn thông tin nào dưới đây em không nên lựa chọn?

- A. Từ người ẩn danh trên Facebook.
- B. Cộng đồng Cơ điện lạnh Việt Nam.
- C. Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
- D. Bộ Công Thương.

Câu 19: Muốn tìm hiểu thông tin về một phương pháp học tập hiệu quả thì em có thể tìm hiểu thông tin của?

- A. Một người lạ.
- B. Một người học giỏi nổi tiếng.
- C. Một người ẩn danh em mới quen trên mạng xã hội.
- D. Cả ba đáp án trên đều sai.

Câu 20: Để tìm hiểu thông tin về năng lượng gió, nguồn thông tin nào dưới đây đáng tin cậy nhất?

- A. Nguồn thông tin từ trang web không rõ tên.
- B. Nguồn thông tin từ trang báo đăng từ rất lâu.
- C. Nguồn thông tin mới nhất từ chính phủ.
- D. Nguồn thông tin từ bạn của em

Câu 21: Em có thể hình thành ý tưởng về một vấn đề dựa trên?

- A. Nguồn thông tin từ một người lạ.
- B. Nguồn thông tin được đăng tải từ rất lâu.
- C. Nguồn thông tin chính xác đã được kiểm chứng.
- D. Nguồn thông tin từ bạn của em.

Câu 22: Thông tin nào dưới đây là thông tin đáng tin cậy?

- A. Thông tin về máy tính thông tin trên một trang web lạ.
- B. Thông tin về dịch Covid 19 trên trang cá nhân của một người ẩn danh.
- C. Thông tin về chế độ dinh dưỡng trên trang web của bộ y tế năm 2023.
- D. Thông tin trên facebook của một người bạn.

Câu 23: Thông tin số có thể được truy cập từ xa nếu:

- A. Người quản lý thông tin đó cho phép.
- B. Thông tin có khả năng truyền tải xa.
- C. Thông tin ít dữ liệu.
- D. Đáp án khác.

Câu 24: Khi tìm kiếm thông tin cần?

- A. Tìm các thông tin không có nguồn gốc rõ ràng.
- B. Tìm các thông tin có nguồn gốc rõ ràng.
- C. Tìm kiếm các thông tin được đăng tải từ rất lâu.
- D. Tìm thông tin trên facebook của một người bạn.

Câu 25: Các bạn rủ em tham gia vào một nhóm kín trên mạng xã hội thì em sẽ?

- A. Vào nhóm đó mà không cần biết gì.
- B. Chấp nhận lời mời vì có các bạn của mình.
- C. Em sẽ hỏi kỹ thông tin về nhóm kín đó rồi mới quyết định có tham gia hay không.
- D. Em sẽ từ chối.

Câu 26: Hành động nào sau đây không vi phạm đạo đức và pháp luật?

- A. Tặng đĩa nhạc có bản quyền em đã mua cho người khác.
- B. Đăng tải thông tin sai sự thật lên mạng.
- C. Cố ý nghe, ghi âm trái phép các cuộc nói chuyện.
- D. Tải một bài trình chiếu của người khác từ Internet và sử dụng như là của mình tạo ra.

Câu 27: Hành động nào dưới đây là vi phạm đạo đức, pháp luật và văn hóa khi sử dụng công nghệ kỹ thuật số?

- A. Tạo một trang cá nhân để chia sẻ những kinh nghiệm học tập của mình.
- B. Sáng tác một bài thơ về lớp và gửi bạn bè cùng đọc.
- C. Quay và lan truyền video về bạo lực học đường.
- D. Hát một bài hát mà em yêu thích.

Câu 28: Hành động nào dưới đây không vi phạm đạo đức, pháp luật và văn hóa khi sử dụng công nghệ kỹ thuật số?

- A. Chia sẻ địa chỉ website có chứa các bộ phim không có bản quyền sử dụng
- B. Tham gia cá cược bóng đá qua Internet
- C. Tạo một trang cá nhân để chia sẻ những kinh nghiệm học tập của mình.
- D. Quay và lan truyền video về bạo lực học đường.

Câu 29: Khi thấy bạn em quay video các bạn trong lớp có hành vi bạo lực và đăng lên mạng xã hội thì em sẽ?

- A. Khuyên bạn gửi video đó cho mọi người.
- B. Khuyên bạn nên quay nhưng không đăng video đó lên.
- C. Khuyên bạn không nên quay và đăng video bạo lực đó lên mạng vì vi phạm quyền riêng tư của mỗi con người và vi phạm tiêu chuẩn cộng đồng trên mạng
- D. Đồng tình với bạn

Câu 30: Trong lịch sử máy tính điện tử, có bao nhiêu thế hệ máy tính?

- A. 1
- B. 3
- C. 5
- D. 7

PHẦN II. TƯ LUẬN:

Câu 1. Em hãy nêu những biểu hiện vi phạm khi sử dụng công nghệ kỹ thuật số

Câu 2. Hãy nêu các đặc điểm của thông tin số, tầm quan trọng của việc khai thác các nguồn thông tin đáng tin cậy, cách xác định thông tin đáng tin cậy?

Câu 3. Em có cảnh báo và lời khuyên gì với bạn trong tình huống dưới đây: Bạn em quay video các bạn trong lớp có hành vi bạo lực và đăng lên mạng xã hội.

Câu 4: Có ý kiến cho rằng chỉ cần tìm được thông tin giúp trả lời được câu hỏi đặt ra, không cần quan tâm đến độ tin cậy của thông tin. Em có đồng ý với ý kiến này không? Tại sao?

TRƯỜNG THCS THANH AM

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA KÌ I

Năm học 2023 - 2024

Môn: Nghệ Thuật- Nội dung Âm nhạc 8

I. Ôn tập bài hát

- Bài hát: *Khúc ca bốn mùa.*

- Bài hát: *Bản làng tươi đẹp.*

II. Ôn tập: Bài đọc nhạc

- Bài đọc nhạc số 1

- Bài đọc nhạc số 2

I. Nội dung bài học

1. Vẽ tranh chân dung theo trường phái biểu tượng
2. Nghệ thuật tranh cát dán

II. Yêu cầu cần đạt

HS được củng cố về các kiến thức: vẽ tranh chân dung và cát dán

III. Hướng dẫn ôn tập

1. Lí thuyết

- Thế nào là vẽ tranh chân dung?
- Các bước cát dán tranh?

2. Thực hành

- Vẽ tranh chân dung:
 - + Hình thức: bài vẽ theo đúng theo đề tài
 - + Bố cục: hợp lí, hài hòa.
 - + Hình vẽ: đẹp, có ý nghĩa
 - + Màu sắc: tươi sáng, hài hòa màu sắc giữa các hình ảnh với nền
 - + Thể hiện sáng tạo, có tính thẩm mỹ
- Tranh cát dán:
 - + Hình thức: cát dán
 - + Bố cục: hợp lí, hài hòa.
 - + Hình vẽ: đẹp, có ý nghĩa
 - + Màu sắc: tươi sáng, hài hòa màu sắc giữa các hình ảnh với nền
 - + Thể hiện sáng tạo, có tính thẩm mỹ

3. Yêu cầu thực hành

Thực hành trên khổ giấy A4

TRƯỜNG THCS THANH AM

NĂM HỌC 2023 - 2024

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Giáo dục thể chất

KHỐI 8

I. Nội dung ôn tập.

- Chủ đề: Chạy cự li ngắn (100m)

II. Yêu cầu.

- Học sinh biết cách phối hợp các giai đoạn chạy cự li ngắn (100m) và hoàn thành cự li.

BAN GIÁM HIỆU

Kí duyệt

Lê Thị Ngọc Anh